TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2024/DS-PT
Ngày 07-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài;

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kim Duyên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 02 và ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 533/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 534/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 61/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 01 năm 2024; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 13/2024/TB-TA ngày 15 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Hồ Thị Thu Y, sinh năm 1982;

2. Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: số G, tổ G, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Hồ Thị Thu Y và ông Nguyễn Tiến T: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/10/2023), có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Ngô Thị Thu T1, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1994; địa chỉ liên hệ: khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/6/2023), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 2000, vắng mặt;

2. Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1974, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: số G, H, khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Ngô Thị Thu T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Hồ Thị Thu Y và ông Nguyễn Tiến T thống nhất trình bày*:

Do vợ chồng ông T, bà Y và bà T1 là chị em dâu với nhau, chồng bà T1 là anh ruột ông T, do cần tiền làm ăn nên bà T1 có nhiều lần mượn tiền của vợ chồng ông T, bà Y. Ông T, bà Y cho bà T1 mượn nhiều lần với tổng số tiền là 399.000.000 đồng (ba trăm chín mươi chín triệu đồng), cụ thể:

1. Vào ngày 22/5/2022, vợ chồng ông T, bà Y có cho bà T1 mượn số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) bằng hình thức đưa tiền mặt tại nhà, việc cho bà T1 mượn tiền không có lập giấy tờ gì.

2. Ngày 14/7/2022, vợ chồng ông T, bà Y chuyển khoản cho bà T2 mượn tiếp số tiền 49.000.000 đồng (bốn mươi chín triệu đồng) qua số tài khoản tại Tiệm V1 vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ vào lúc 10 giờ 15 phút.

3. Ngày 23/7/2022, ông T, bà Y cho bà T1 mượn tiếp số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng), hình thức là chuyển khoản bằng số tài khoản T3 vàng Kim T4 vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ vào lúc 18 giờ 55 phút.

4. Ngày 05/8/2022, ông T, bà Y cho bà T1 mượn tiếp số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng), hình thức là chuyển khoản bằng số tài khoản T3 vàng Kim T4 vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ vào lúc 15 giờ 23 phút.

5. Ngày 14/8/2022, ông T, bà Y cho bà T1 mượn tiếp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), hình thức là chuyển khoản bằng số tài khoản T3 vàng Kim T4 vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ vào lúc 08 giờ 52 phút.

6. Ngày 24/8/2022, ông T, bà Y cho bà T1 mượn tiếp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), hình thức là chuyển khoản bằng số tài khoản T3 vàng Kim T4 vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ vào lúc 08 giờ 52 phút.

7. Ngày 29/8/2022, ông T, bà Y cho bà T1 mượn tiếp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), hình thức là chuyển khoản bằng số tài khoản T3 vàng Kim T4 vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ vào lúc 13 giờ 03 phút.

Tất cả những lần vay tiền trên thì giữa ông T, bà Y và bà T1 đã ngồi lại và tính toán xong do bà T1 đã trả hết số tiền trên là khoảng 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Tuy nhiên, những lần bà T1 mượn tiền của ông T, bà Y mà bà T1 chưa trả với số tiền là 199.000.000 đồng (một trăm chín mươi chín triệu đồng) vào các ngày, cụ thể:

8. Ngày 14/7/2022, ông T, bà Y cho bà T1 mượn tiếp số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), việc cho mượn tiền lần này thì bà T1 có viết giấy mượn tiền và bà T1 là người ký tên xác nhận.

9. Ngày 11/9/2022, ông T, bà Y cho bà T1 mượn tiếp số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), hình thức là chuyển khoản bằng số tài khoản T3 vàng Kim T4 vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ vào lúc 11 giờ 23 phút.

10. Ngày 26/12/2022, ông T, bà Y cho bà T1 mượn tiếp số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), hình thức là chuyển khoản bằng số tài khoản T3 vàng Kim T4 vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ vào lúc 12 giờ 10 phút.

11. Ngày 23/02/2023, ông T, bà Y cho bà T1 mượn tiếp số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), hình thức là chuyển khoản bằng số tài khoản T3 vàng Kim T4 vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ vào lúc 09 giờ 14 phút.

Tổng số tiền mà bà T1 mượn của ông T, bà Y là 399.000.000 đồng (ba trăm chín mươi chín triệu đồng), việc cho bà T1 mượn tiền không tính lãi vì là chị em dâu với nhau. Hình thức trả tiền là bà T1 trả góp hàng ngày, ngày nào có bao nhiêu tiền thì bà T1 trả tiền bấy nhiêu. Tổng số tiền mà T1 trả góp cho vợ chồng ông T và bà Y bằng hình thức chuyển khoản như bà T1 trình bày trong bản tự khai nộp cho Tòa án. Thời gian trả bắt đầu từ ngày 22/5/2022 cho tới ngày 30/8/2022 với khoảng số tiền 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu đồng). Số tiền mà bà T1 còn nợ lại vợ chồng ông T, bà Y là 199.000.000 đồng (một trăm chín mươi chín triệu đồng). Tuy nhiên, từ ngày 30/8/2022 trở đi đến nay thì bà T1 không trả tiền mặc dù ông T, bà Y đã nhiều lần yêu cầu thực hiện việc trả tiền. Vì vậy, nay ông T, bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1 phải có trách nhiệm trả số tiền đã mượn còn nợ lại là 199.000.000 đồng (một trăm chín mươi chín triệu đồng). Tại phiên tòa, ông T, bà Y chỉ yêu cầu bà T1 trả số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) theo Giấy mượn tiền 14/7/2022. Đối với số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) bà T1 mượn vào 11/9/2022; số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) và số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) chuyển khoản thì ông T, bà Y không yêu cầu bà T1 trả nữa.

- Đối với khoản vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) mà bà T1 trình bày là có mượn của ông T, bà Y vào ngày 22/5/2022 và số tiền vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) mà bà T1 trình bày là có mượn của ông T, bà Y vào ngày 26/6/2022 nhưng đã được cộng dồn thành số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) mà bà T1 viết giấy nợ chốt lại vào ngày 14/7/2022 là không đúng, vì nếu cộng dồn 02 lần vay tiền của ngày 22/5/2022 và ngày 26/6/2022 vào giấy nợ của ngày 14/7/2022 thì từ ngày 22/5/2022 đến ngày 25/6/2022, bà T1 đã trả góp cho ông T, bà Y với số tiền là 71.000.000 đồng (bảy mươi mốt triệu đồng) như bà T1 đã trình

bày tại bản tự khai thì bà T1 đã trừ ra. Cho nên vào ngày 14/7/2022 bà T1 tiếp tục mượn tiền và ký vào giấy mượn tiền mới với số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) là số tiền bà T1 mượn tiếp chứ không phải là cộng dồn.

- Đối với ý kiến của bà T1 về việc bán chiếc xe Honda SH, biển số 61H1-450.91 cho ông T, bà Y với giá là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) thì đây là việc mua bán riêng của ông T, bà Y với bà T1, không liên quan gì đến việc bà T1 mượn tiền nên bà T1 không trừ ra vào số tiền đã mượn. Ông T, bà Y mua xe và đã trả tiền cho bà T1 và việc mua bán xe này đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Thanh V, bà T1 đã giao xe và ông T, bà Y đã giao tiền cho bà T1. Bà T1 cho rằng ông T, bà Y chưa trả số tiền bán xe là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) là không đúng, vì khi mua xe của bà T1 thì ông T, bà Y đã trả tiền cho bà T1 xong.

- Bị đơn bà Ngô Thị Thu T1 và người đại diện hợp pháp của bị đơn bà T1 là ông Lê Văn L thống nhất trình bày:

Đối với Giấy mượn tiền vào ngày 14/7/2022 thể hiện bà T1 vay của ông T và bà Y với số tiền 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế số tiền này bà T1 vay ông T và bà Y nhiều lần trước đó, cụ thể như sau:

Lần 01: Vào ngày 22/5/2022, bà T1 vay của ông T và bà Y số tiền là 50.000.000 đồng. Đối với số tiền vay này mỗi tháng bà T1 trả cho ông T và bà Y số tiền lãi là 1.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất là 60%/tháng, bắt đầu trả lãi từ ngày 22/5/2022 đến ngày 25/6/2022 (35 ngày) với tổng số tiền lãi đã đóng là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Cụ thể các lần chuyển khoản như sau:

1. Ngày 22/5/2022, chuyển số tiền lãi 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

2. Ngày 23/5/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

3. Ngày 24/5/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

4. Ngày 25/5/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

5. Ngày 26/5/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

6. Ngày 27/5/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

7. Ngày 28/5/2022 chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

8. Ngày 29/5/2022, bà T1 có trực tiếp giao cho bà Hồ Thị Thu Y số tiền 1.000.000 đồng.

9. Ngày 30/5/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 651100029931 65, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

10. Ngày 31/5/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 651100029931 65, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

11. Ngày 01/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 651100029931 65, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

12. Ngày 02/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 651100029931 65, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

13. Ngày 03/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 651100029931 65, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

14. Ngày 04/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 651100029931 65, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

15. Ngày 05/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 651100029931 65, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

16. Ngày 06/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 651100029931 65, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

17. Ngày 07/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 651100029931 65, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

18. Ngày 08/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 651100029931 65, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

19. Ngày 09/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 651100029931 65, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

20. Ngày 10/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 651100029931 65, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

21. Ngày 11/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 651100029931 65, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

22. Ngày 12/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

23. Ngày 13/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

24. Ngày 14/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

25. Ngày 15/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

26. Ngày 16/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

27. Ngày 17/6/2022 chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

28. Ngày 18/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

29. Ngày 19/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

30. Ngày 20/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

31. Ngày 21/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

32. Ngày 22/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

33. Ngày 23/6/2022, chuyển số tiền 1.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

34. Ngày 24/6/2022, bà T1 có trực tiếp giao cho bà Hồ Thị Thu Y số tiền 1.000.000 đồng.

35. Ngày 25/6/2022, bà T1 có trực tiếp giao cho bà Hồ Thị Thu Y số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 02: Vào ngày 26/6/2022, bà T1 tiếp tục vay của ông T và bà Y thêm số tiền là 50.000.000 đồng (tổng số tiền vay đến ngày 26/6/2022 là: 100.000.000 đồng).

Đối với số tiền vay này mỗi tháng bà T1 trả cho ông T và bà Y số tiền lãi là 2.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất là 60%/tháng, bắt đầu trả lãi từ ngày 26/6/2022 đến ngày 13/7/2022 (18 ngày) với tổng số tiền lãi đã đóng là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

Cụ thể các lần chuyển khoản như sau:

1. Ngày 26/6/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

2. Ngày 27/6/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

3. Ngày 28/6/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

4. Ngày 29/6/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

5. Ngày 30/6/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

6. Ngày 01/7/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

7. Ngày 02/7/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

8. Ngày 03/7/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

9. Ngày 04/7/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

10. Ngày 05/7/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

11. Ngày 06/7/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

12. Ngày 07/7/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

13. Ngày 08/7/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

14. Ngày 09/7/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

15. Ngày 10/7/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

16. Ngày 11/7/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

17. Ngày 12/7/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

18. Ngày 13/7/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

Lần 03: Vào ngày 14/7/2022, bà T1 tiếp tục vay của ông T và bà Y thêm số tiền là 50.000.000 đồng (tổng số tiền vay đến ngày 14/7/2022 là 150.000.000 đồng nên bà T1 có viết Giấy mượn tiền vào ngày 14/7/2022). Đối với số tiền vay này mỗi tháng bà T1 trả cho ông T và bà Y số tiền lãi là 3.000.000 đồng/ngày, tương đương với mức lãi suất là 60%/tháng, bắt đầu trả lãi từ ngày 14/7/2022 đến ngày 30/8/2022 (48 ngày) với tổng số tiền lãi đã đóng là 144.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

Cụ thể các lần chuyển khoản như sau:

1. Ngày 14/7/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

2. Ngày 15/7/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

3. Ngày 16/7/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

4. Ngày 17/7/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

5. Ngày 18/7/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

6. Ngày 19/7/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

7. Ngày 20/7/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

8. Ngày 21/7/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

9. Ngày 22/7/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

10. Ngày 23/7/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

11. Ngày 24/7/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

12. Ngày 25/7/2022, bà T1 có trực tiếp giao cho bà Hồ Thị Thu Y số tiền 3.000.000 đồng.

13. Ngày 26/7/2022, bà T1 có trực tiếp giao cho bà Hồ Thị Thu Y số tiền 3.000.000 đồng.

14. Ngày 27/7/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

15. Ngày 28/7/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

16. Ngày 29/7/2022, bà T1 có trực tiếp giao cho bà Hồ Thị Thu Y số tiền 3.000.000 đồng.

17. Ngày 30/7/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

18. Ngày 31/7/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

19. Ngày 01/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

20. Ngày 02/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

21. Ngày 03/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

22. Ngày 04/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

23. Ngày 05/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

24. Ngày 06/8/2022, bà T1 có trực tiếp giao cho bà Hồ Thị Thu Y số tiền 3.000.000 đồng.

25. Ngày 07/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

26. Ngày 08/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

27. Ngày 09/8/2022, bà T1 có trực tiếp giao cho bà Hồ Thị Thu Y số tiền 3.000.000 đồng.

28. Ngày 10/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

29. Ngày 11/8/2022, bà T1 có trực tiếp giao cho bà Hồ Thị Thu Y số tiền 3.000.000 đồng.

30. Ngày 12/8/2022, bà T1 có trực tiếp giao cho bà Hồ Thị Thu Y số tiền 3.000.000 đồng.

31. Ngày 13/8/2022, bà T1 có trực tiếp giao cho bà Hồ Thị Thu Y số tiền 3.000.000 đồng.

32. Ngày 14/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

33. Ngày 15/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

34. Ngày 16/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

35. Ngày 17/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

36. Ngày 18/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

37. Ngày 19/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

38. Ngày 20/8/2022, bà T1 có trực tiếp giao cho bà Hồ Thị Thu Y số tiền 3.000.000 đồng.

39. Ngày 21/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

40. Ngày 22/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

41. Ngày 23/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

42. Ngày 24/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

43. Ngày 25/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

44. Ngày 26/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

45. Ngày 27/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

46. Ngày 28/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

47. Ngày 29/8/2022 chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

48. Ngày 30/8/2022, chuyển số tiền 3.000.000 đồng, tài khoản thụ hưởng có tên là Hồ Thị Thu Y, số tài khoản: 65110002993165, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

Vậy tổng số tiền lãi bà T1 đã đóng cho ông T và bà Y đối với khoản vay 150.000.000 đồng từ ngày 22/5/2022 đến 30/8/2022 là 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm đồng). Tức mức lãi suất bà T1 phải chịu cho khoản vay 150.000.000 đồng tương đương 60%/tháng.

- Vào ngày 28/7/2022, tại Văn phòng C1, tỉnh Bình Dương; bà T1 và bà Y có ký kết với nhau Hợp đồng mua bán xe, số công chứng 6617, quyển số: 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD, xe biển số: 61H1- 450.91; nhãn hiệu: HONDA; số loại: SH MODE; giấy đăng ký xe số: 024269 do Công an huyện D - Công an tỉnh B cấp ngày

25/7/2018. Mục đích bà T1 ký kết hợp đồng mua bán xe trên cho bà Y là do xe trên bà T1 không có nhu cầu sử dụng mà hiện tại đang nợ tiền ông T, bà Y nên muốn bán chiếc xe trên với giá 40.000.000 đồng để trả bớt nợ gốc cho ông T, bà Y. Số tiền này ông T và bà Y không giao trực tiếp cho bà T1 mà hứa sẽ cấn trừ vào gốc cho khoản vay trên.

- Đối với khoản vay ông T và bà Y trình bày do tiệm V2 07 lần với tổng số tiền là 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 101000910829 của bà Ngô Thị Thu T1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ. Bà T1 không đồng ý khoản vay này bởi đây là số tiền bà T1 đã bán vàng tại Tiệm V1 ở thành phố T, tỉnh Bình Dương, số tiền bán vàng này không liên quan gì đến số tiền bà T1 mượn của ông T, bà Y. Bà T1 không nhận bất cứ số tiền 190.000.000 đồng nào từ ông T và bà Y thông qua T3 vàng Kim T4.

- Đối với khoản vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) mà ông T và bà Y trình bày bà T1 mượn vào ngày 22/5/2022 thì bà T1 không thừa nhận. Vì vào ngày 22/5/2022, bà T1 mượn của ông T, bà Y số tiền 50.000.000 đồng và ngày 26/6/2022, bà T1 mượn ông T, bà Y số tiền 50.000.000 đồng, ngày 14/7/2022, bà T1 mượn tiếp của ông T, bà Y số tiền 50.000.000 đồng nữa nên tổng số tiền mà bà T1 mượn của ông T, bà Y là 150.000.000 đồng. Do đó, vào ngày 14/7/2022, bà T1 và bà Y, ông T viết giấy nợ chốt lại và viết giấy mượn tiền vào ngày 14/7/2022 với tổng số tiền là 150.000.000 đồng.

- Đối với khoản vay ông T và bà Y trình bày là 6.000.000 đồng vào ngày 26/12/2022 và khoản vay 3.000.000 đồng vào ngày 23/02/2023 (bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 101000910829 của bà Ngô Thị Thu T1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ), bà T1 thừa nhận đã mượn để tiêu xài cá nhân.

Vậy tổng số tiền nợ gốc là 159.000.000 đồng, là số tiền bà T1 đã mượn của ông T, bà Y. Tuy nhiên, bà T1 đã trả tiền lãi cho ông T, bà Y với số tiền lãi là 42,958%/tháng là 210.500.000 đồng (hai trăm mười triệu năm trăm nghìn đồng). Với mức lãi suất này bà T1 yêu cầu chuyển hồ sơ qua Công an huyện D, tỉnh Bình Dương để điều tra về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Bà T1 đồng ý trả tiền sau khi đã trừ các khoản tiền lãi mà ông T, bà Y đã nhận của bà T1 quá mức quy định Nhà nước và trừ vào tiền bà T1 bán chiếc xe môtô với giá 40.000.000 đồng. Sau khi khấu trừ tiền lãi, tiền gốc còn lại bao nhiêu bà T1 sẽ trả tiền cho ông T, bà Y.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành C trình bày*:

Ngày 14/7/2022, bà Y có đến Tiệm V1 để giao dịch chuyển khoản với số tiền 49.000.000 đồng (bốn mươi chín triệu đồng) vào số tài khoản 101000910829 của bà Ngô Thị Thu T1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và ông C đã thực hiện lúc 10 giờ 15 phút. Ngày 11/9/2022, bà Y có đến T3 vàng Kim T4 giao dịch chuyển khoản với số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) vào số tài khoản 101000910829 của bà Ngô Thị Thu T1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và ông C đã thực hiện lúc 11 giờ 23 phút.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lan A trình bày*:

Ngày 05/8/2022, bà Y có đến T3 vàng Kim T4 giao dịch chuyển khoản với số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng) vào số tài khoản 101000910829 của bà Ngô Thị Thu T1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và bà A đã thực hiện lúc 15 giờ 23 phút. Ngày 14/8/2022, bà Y có đến T3 vàng Kim T4 giao dịch chuyển khoản với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) vào số tài khoản 101000910829 của bà Ngô Thị Thu T1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và bà A đã thực hiện lúc 19 giờ 30 phút. Ngày 24/8/2022, bà Y có đến T3 vàng Kim T4 giao dịch chuyển khoản với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) vào số tài khoản 101000910829 của bà Ngô Thị Thu T1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và bà A đã thực hiện lúc 08 giờ 52 phút. Ngày 29/8/2022, bà Y có đến T3 vàng Kim T4 giao dịch chuyển khoản với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) vào số tài khoản 101000910829 của bà Ngô Thị Thu T1 tại của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và bà Lan A đã thực hiện lúc 11 giờ 23 phút.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến T, bà Hồ Thị Thu Y đối với bị đơn bà Ngô Thị Thu T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

- Buộc bà Ngô Thị Thu T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Tiến T, bà Hồ Thị Thu Y số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/9/2023, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Ngô Thị Thu T1 là ông Lê Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Y và ông T là ông Phạm Văn S vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: nguyên đơn khởi kiện bị đơn đã cho mượn số tiền 399.000.000 đồng, bị đơn đã thanh toán số tiền 200.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền 199.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 150.000.000 đồng. Bị đơn không đồng ý và cho rằng số tiền nguyên đơn cho bị đơn mượn là số tiền nợ cộng dồn, bị đơn kháng cáo trình bày đã trả lãi suất cao cho nguyên đơn nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Căn cứ vào hồ sơ thể hiện, tài liệu sao kê của ngân hàng cung cấp cũng không có nội dung bị đơn chuyển khoản trả cho nguyên đơn là số tiền lãi. Ngoài ra, tại các lời khai của chủ T3 vàng Kim T4 đã chuyển khoản cho bị đơn trên cơ sơ nguyên đơn yêu cầu nên lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bị đơn tại phiên toà không có cơ sở chấp nhận. Do vậy, nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 399.000.00 đồng và bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng nên còn lại số tiền

199.000.000 đồng nhưng nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 150.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn. Đối với các khoản tiền 40.000.000 đồng; 6.000.000 đồng và 3.000.000 đồng nguyên đơn không yêu cầu trả nên Toà án cấp phúc thẩm không xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: đơn kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Thu T1 làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lan A, ông Nguyễn Thành C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn trình bày do bị đơn là chị em dâu với nhau, cần tiền làm ăn nên mượn nhiều lần của nguyên đơn với số tiền 399.000.000 đồng nhưng bị đơn đã trả được số tiền 200.000.000 đồng, số tiền còn lại 199.000.000 đồng thì bị đơn chưa trả, việc cho mượn không tính lãi. Quá trình giải quyết, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 150.000.000 đồng (theo Giấy mượn tiền ngày 14/7/2022) đối với số tiền 40.000.000 đồng bị đơn mượn ngày 14/9/2022, số tiền 6.000.000 đồng và số tiền 3.000.000 đồng nguyên đơn đã chuyển khoản cho bị đơn thì nguyên đơn không yêu cầu trả.

Bị đơn thừa nhận có mượn tiền của nguyên đơn số tiền 159.000.000 đồng nhưng bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn với số tiền 215.000.000 đồng. Bị đơn đồng ý trả tiền sau khi trừ các khoản tiền quá mức quy định và trừ vào tiền nguyên đơn mua xe môtô với giá 40.000.000 đồng của bị đơn chưa thanh toán, sau khi tính toán số tiền còn lại bị đơn thanh toán cho nguyên đơn.

[4] Căn cứ vào tài liệu chứng có tại hồ sơ thể hiện:

[4.1] Do có mối quan hệ chị em dâu với nhau (chồng bị đơn là anh ruột của chồng nguyên đơn), bị đơn cần tiền làm ăn nên đã nhiều lần mượn tiền của nguyên đơn cụ thể như sau:

1. Ngày 22/5/2022, bà T1 mượn số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) bằng tiền mặt tại nhà vợ chồng ông T, bà Y.

2. Ngày 14/7/2022, vợ chồng ông T, bà Y chuyển khoản cho bà T2 mượn tiếp số tiền 49.000.000 đồng (bốn mươi chín triệu đồng) qua số tài khoản tại Tiệm V1 vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

3. Ngày 23/7/2022, vợ chồng ông T, bà Y cho bà T1 mượn tiếp số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng), hình thức là chuyển khoản bằng số tài khoản T3 vàng Kim T4 vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

4. Ngày 05/8/2022, vợ chồng ông T, bà Y cho bà T1 mượn tiếp số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng), hình thức là chuyển khoản bằng số tài khoản T3 vàng Kim T4 vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

5. Ngày 14/8/2022, vợ chồng ông T, bà Y cho bà T1 mượn tiếp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), hình thức là chuyển khoản bằng số tài khoản T3 vàng Kim T4 vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

6. Ngày 24/8/2022, vợ chồng ông T, bà Y cho bà T1 mượn tiếp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), hình thức là chuyển khoản bằng số tài khoản T3 vàng Kim T4 vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

7. Ngày 29/8/2022, vợ chồng ông T, bà Y cho bà T1 mượn tiếp số tiền 10.000.000 đồng (mười mươi triệu đồng), hình thức là chuyển khoản bằng số tài khoản T3 vàng Kim T4 vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

8. Ngày 14/7/2022, vợ chồng ông T, bà Y cho bà T1 mượn tiếp số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) bằng tiền mặt. Việc cho mượn tiền lần này thì bà T1 có viết giấy mượn tiền và bà T1 là người ký tên xác nhận.

9. Ngày 11/9/2022, vợ chồng ông T, bà Y cho bà T1 mượn tiếp số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), hình thức là chuyển khoản bằng số tài khoản T3 vàng Kim T4 vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

10. Ngày 26/12/2022, vợ chồng ông T, bà Y cho bà T1 mượn tiếp số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), hình thức là chuyển khoản bằng số tài khoản T3 vàng Kim T4 vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

11. Ngày 23/02/2023, ông T, bà Y cho bà T1 mượn tiếp số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), hình thức là chuyển khoản bằng số tài khoản T3 vàng Kim T4 vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Như vậy tổng số tiền bị đơn bà T1 mượn của vợ chồng nguyên đơn bà Y, ông T là 399.000.000 đồng; bị đơn đã thanh toán số tiền 200.000.000 đồng, còn lại số tiền 199.000.000 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền này.

[4.2] Quá trình tố tụng tại Toà án cấp sơ thẩm bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn như sau:

Ngày 22/5/2022, bị đơn mượn số tiền 50.000.000 đồng; ngày 26/6/2022, bị đơn mượn số tiền 50.000.000 đồng, ngày 14/7/2022, bị đơn mượn số tiền 50.000.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn đã cho bị đơn mượn 02 lần với số tiền 9.000.000 đồng (một lần 6.000.000 đồng và một lần 3.000.000 đồng để tiêu xài).

Tổng số tiền bị đơn vay mượn của nguyên đơn là 159.000.000 đồng. Bị đơn đã trả tiền lãi cho nguyên đơn đối với từng khoản vay mượn là 215.000.000 đồng (từ ngày 22/5/2022 đến 30/8/2022).

Ngày 28/7/2022, bị đơn đã bán 01 chiếc xe môtô biển số 61H1-450.91 giá 40.000.000 đồng, nguyên đơn không thanh toán tiền cho bị đơn mà trừ vào tiền đã vay mượn. Đối với số tiền 40.000.000 đồng vợ chồng nguyên đơn cho rằng ngày 11/9/2022 chuyển khoản vào tài khoản của bị đơn tại Tiệm V1, bị đơn không đồng ý và cho rằng số tiền này bị đơn bán vàng và chủ tiệm vàng chuyển tiền cho bị đơn. Bà T1 không nhận bất cứ khoản tiền nào của nguyên đơn đã chuyển vào tài khoản của bị đơn.

[4.3] Xét tại bản tự khai của bà Nguyễn Thị Lan A (bút lục 161) trình bày ngày 05/8/2022, bà Hồ Thị Thu Y có đến Tiệm vàng Kim T4 giao dịch chuyển khoản số tiền 27.000.000 đồng vào số tài khoản của bà T1 là 101000910829 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ. Vào ngày 14/8/2022 và ngày 24/8/2022, bà Y tiếp tục đến Tiệm V1 giao dịch chuyển khoản mỗi lần 20.000.000 đồng vào tài khoản của bà T1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Ngày 29/8/2022, bà Y cũng đến T3 vàng Kim T4 chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản của bà T1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà A đã được chứng thực ngày 24/7/2023 tại Văn phòng C2, thành phố T, Bình Dương.

Tại bản tự khai của ông Nguyễn Thành C (bút lục 166) trình bày ngày 14/7/2022, bà Hồ Thị Thu Y đến T3 vàng Kim T4 giao dịch chuyển khoản số tiền 49.000.000 đồng vào tài khoản của bà T1 là 101000910829 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Ngày 11/9/2022, bà Y cũng đến T3 vàng Kim T4 giao dịch chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng vào tài khoản của bà T1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C đã được chứng thực ngày 24/7/2023 tại Văn phòng C2, thành phố T, Bình Dương.

Xét ý kiến trình bày của bị đơn bà T1 cho rằng số tiền 150.000.000 đồng T3 vàng Kim Tiền chuyển khoản cho bà T1 là do bà T1 bán vàng cho tiệm vàng chứ không phải bà vay tiền của nguyên đơn. Căn cứ vào lời trình bày của ông C và bà A được chứng thực, xác định bà Y là người trực tiếp đến Tiệm vàng Kim T4 giao dịch chuyển khoản qua tài khoản của bà T1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ là do bà Y yêu cầu. Bị đơn trình bày nhưng nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

Quá trình tố tụng giải quyết tại Toà án cấp sơ thẩm nguyên đơn đã thừa nhận số tiền 200.000.000 đồng của bị đơn bà T1 đã thanh toán nên nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4.4] Xét: bà T1 cho rằng nguyên đơn cho vay lãi suất cao nhưng ngoài lời khai của bị đơn thì bị đơn không có tài liệu chứng cứ, chứng minh. Nguyên đơn không thừa nhận bị đơn đã trả tiền lãi cho nguyên đơn. Tuy nhiên các tài liệu chứng cứ, sao kê của ngân hàng cung cấp thể hiện bị đơn đã chuyển tiền cho nguyên đơn đều không thể hiện có nội dung tiền gốc hay tiền lãi, trong khi đó các bên không có thỏa thuận về lãi suất khi hai bên giao dịch cho vay mượn tiền nên số tiền bị đơn bà T1 chuyển trả qua tài khoản ngân hàng cho nguyên đơn nên được khấu trừ vào số tiền gốc mà bị đơn đã vay mượn của nguyên đơn.

Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của bị đơn xác định việc chuyển tiền qua tài khoản của nguyên đơn không thể hiện tiền lãi, lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với tài liệu sao kê của ngân hàng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 199.000.000 đồng mà bị đơn đã mượn của nguyên đơn chưa trả. Theo Giấy mượn tiền ngày 14/7/2022, vợ chồng nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 150.000.000 đồng, bị đơn ký tên xác nhận, còn bị đơn trình bày đây là số tiền bị đơn mượn ngày 22/5/2022 là 50.000.000 đồng, ngày 26/6/2022 mượn tiếp số tiền 50.000.000 đồng và đến ngày 14/7/2022, bị đơn mượn tiếp số tiền 50.000.000 đồng nên bị đơn và vợ chồng nguyên đơn chốt lại số tiền là 150.000.000 đồng mà bị đơn còn nợ nguyên đơn. Tuy nhiên, phía nguyên đơn không thừa nhận đã cho bị đơn mượn số tiền 50.000.000 đồng ngày 26/6/2022, bị đơn cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình của mình cho nên không có cơ sở xác định Giấy mượn tiền ngày 14/7/2022 là bị đơn mượn của nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng, là số tiền cộng dồn của số tiền mượn ngày 22/5/2022, ngày 26/6/2022. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 150.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 14/7/2022 là có căn cứ phù hợp với tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ.

Còn đối với số tiền 40.000.000 đồng nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn ngày 11/9/2022 (bút lục 163); ngày 26/12/2022, nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn số tiền 6.000.000 đồng (bút lục 36); ngày 23/02/2023, nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn số tiền 3.000.000 đồng (bút lục 37) thì nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với hợp đồng mua bán xe môtô biển số 61H1-450.91 bị đơn bán cho nguyên đơn với số tiền 40.000.000 đồng để trừ vào số tiền mượn. Căn cứ vào Hợp đồng mua bán xe ngày 28/7/2022 (bút lục 39) đã công chứng theo quy định thể hiện hai bên thoả thuận thanh toán xong ngay khi được công chứng.

Quá trình tố tụng tại Toà án cấp sơ thẩm bị đơn không yêu cầu phản tố nên không được xem xét. Trường hợp bị đơn yêu cầu được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[4.5] Xét: số tiền nguyên đơn cho bị đơn mượn 399.000.000 đồng bị đơn đã thanh toán chuyển khoản trả số tiền 215.000.000 đồng cho nguyên đơn và nguyên đơn cũng thừa nhận. Do vậy số tiền này được khấu trừ vào số tiền bị đơn đã mượn hiện nay bị đơn còn nợ số tiền 184.000.000 đồng, phía nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 150.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn và có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; Điều 296, khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo bị đơn bà Ngô Thị Thu T1.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị Thu T1 phải chịu phải số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0009405 ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương (do ông Lê Văn L nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện D;
- TAND huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng